**MỘT SỐ CĂN DẶN VỚI HỌC SINH VÀ PHỤ HUYNH**

**\* ĐỐI VỚI HỌC SINH**

1/ Phần **nội dung bài học các em chép vào tập** ghi trên lớp còn phần **bài tập củng cố hoặc bài tập bổ sung các em làm vào vở bài tập hoặc tập học buổi chiều.**

2/ Khi học bài các em cần **xem và đọc nội dung bài học, câu hỏi trong SGK**.

3/ Hàng ngày, các em đều **phải học ít nhất là 1 bài mới và làm bài tập** đầy đủ. Nếu có thắc mắc, không hiểu bài các em có **thể liên hệ với giáo viên bộ môn, GVCN** để nhờ giải đáp.

4/ Đề cương các em **phải bảo quản cẩn thận** để khi đi học lại sử dụng ôn thi cuối năm.

**\* ĐỐI VỚI PHỤ HUYNH**

1/ Phụ huynh cấn phối hợp chặt chẽ với nhà trường, GVCN, GVBM để báo cáo tình hình học tập và làm bài của các em.

2/ Phụ huynh thường xuyên nhắc nhở các em học bài, làm bài tập và chép bài đầy đủ.

3/ Mọi thắc mắc về bài học phụ huynh liên hệ ngay với GVBM hoặc GVCN để được hỗ trợ.

**MÔN SINH HỌC**

**NỘI DUNG GHI BÀI**

**Bài 42: Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống sinh vật**

**I. Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống thực vật**

- Ánh sáng có ảnh hưởng tới đời sống thực vật, làm thay đổi đặc điểm hình thái, sinh lí (quang hợp, hô hấp, thoát hơi nước) của thực vật.

- Nhu cầu về ánh sáng của các loài không giống nhau:

+ Nhóm cây ưa sáng: Gồm những cây sống nơi quang đãng. VD: lúa, ngô

+ Nhóm cây ưa bóng: Gồm những cây sống nơi ánh sáng yếu, dưới tán cây khác.VD: Lá lốt, trầu bà

**II.Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống của động vật**

- Ảnh sáng ảnh hưởng tới đời sống động vật:

+ Tạo điều kiện cho động vật nhận biết các vật và định hướng di chuyển trong không gian.

+ Giúp động vật điều hoà thân nhiệt.

+ ảnh hưởng tới hoạt động, khả năng sinh sản và sinh trưởng của động vật.

- Động vật thích nghi điều kiện chiếu sáng khác nhau, người ta chia thành 2 nhóm động vật:

+ Nhóm động vật ưa sáng: gồm động vật hoạt động ban ngày. Vd: Trâu, bò , dê

+ Nhóm động vật ưa tối: gồm động vật hoạt động ban đêm, sống trong hang, đất hay đáy biển. Vd: mèo, báo...

* **Học sinh soạn và trả lời câu hỏi:**

1/ Nêu sự khác nhau giữa thực vật ưa sáng và ưa bóng

2/ Ánh sáng có ảnh hưởng tới động vật như thế nào ?

**Bài 43: Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm lên đời sống sinh vật**

**I. Ảnh hưởng của nhiệt độ lên đời sống sinh vật**

- Nhiệt độ môi trường đã ảnh hưởng tới hình thái, hoạt động sinh lí, tập tính của sinh vật.

- Đa số các loài sống trong phạm vi nhiệt độ 0-50oC.Tuy nhiên cũng có một số sinh vật nhờ khả năng thích nghi cao nên có thể sống ở nhiệt độ rất thấp hoặc rất cao.

- Sinh vật được chia 2 nhóm:

+ Sinh Vật biến nhiệt : nhiệt độ cơ thể phụ thuộc nhiệt độ môi trường, gồm: Động vật không xương sống, cá, ếch nhái, bò sát, nấm, vi sinh vật, thực vật.

 + Sinh Vật hằng nhiệt : nhiệt độ cơ thể không phụ thuộc nhiệt độ môi trường, gồm: Chim, thú và người .

**II. Ảnh hưởng của độ ẩm lên đời sống của sinh vật.**

- Động vật và thực vật đều mang nhiều đặc điểm sinh thái thích nghi với môi trường có độ ẩm khác nhau.

- Thực vật chia 2 nhóm:

+ Nhóm ưa ẩm (SGK).

+ Nhóm chịu hạn (SGK).

- Động vật chia 2 nhóm:

+ Nhóm ưa ẩm (SGK).

+ Nhóm ưa khô (SGK).

* **Học sinh soạn và trả lời câu hỏi:**

1. Nhiệt độ môi trường có ảnh hưởng tới đặc điểm hình thái và sinh lí của sinh vật như thế nào ?

2. Hãy so sánh đặc điểm khác nhau giữa hai nhóm cây ưa ẩm và chịu hạn ?

**Bài 44: Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các loài sinh vật**

**I.Quan hệ cùng loài**

- Các sinh vật cùng loài sống gần nhau, liên hệ với nhau hình thành nên nhóm cá thể.

- Trong 1 nhóm có những mối quan hệ:

+ Hỗ trợ; sinh vật được bảo vệ tốt hơn, kiếm được nhiều thức ăn.

+ Cạnh tranh: ngăn ngừa gia tăng số lượng cá thể và sự cạn kiệt thức ăn ⭢ 1 số tách khỏi nhóm.

**Bài 47: Quần thể người**

**I.Thế nào là một quần thể sinh vật**

- Quần thể sinh vật là tập hợp những cá thể cùng loài, sinh sống trong khoảng

 không gian nhất định, ở 1 thời điểm nhất định và có khả năng sinh sản tạo thành những thế hệ mới.

**II.Những đặc trưng cơ bản của quần thể**

1. Tỉ lệ giới tính

- Tỉ lệ giới tính là tỉ lệ giữa số lượng cá thể đực với cá thể cái.

- Tỉ lệ giới tính thay đổi theo lứa tuổi, phụ thuộc vào sự tử vong không đồng đều giữa cá thể đực và cái.

- Tỉ lệ giới tính cho thấy tiềm năng sinh sản của quần thể.

2. Thành phần nhóm tuổi

- Bảng 47.2.

- Dùng biểu đồ tháp để biểu diễn thành phần nhóm tuổi.

3. Mật độ quần thể

- Mật độ quần thể là số lượng hay khối lượng sinh vật có trong 1 đơn vị diện tích hay thể tích.

- Mật độ quần thể không cố định mà thay đổi theo mùa, theo năm và phụ thuộc vào chu kì sống của sinh vật.

**III. Ảnh hưởng của môi trường tới quần thể sinh vật**

- Các đời sống của môi trường như khí hậu, thổ nhưỡng, thức ăn, nơi ở... thay đổi sẽ dẫn tới sự thay đổi số lượng của quần thể.

- Khi mật độ cá thể tăng cao dẫn tới thiếu thức ăn, chỗ ở, phát sinh nhiều bệnh tật, nhiều cá thể sẽ bị chết. khi đó mật độ quần thể lại được điều chỉnh trở về mức độ cân bằng.

* **Học sinh soạn và trả lời câu hỏi:**

Làm bài tập điền vào bảng 47.3 trang 142

**Bài 48: Quần thể người**

**I. Sự khác nhau giữa quần thể người với các quần thể sinh vật khác**

- Quần thể người có đặc trưng sinh học như những quần thể sinh vật khác, đó là đặc điểm giới tính, lứa tuổi, mật độ, sinh sản, tử vong.

- Quần thể người có những đặc trưng khác với quần thể sinh vật khác ở những đặc điểm như: pháp luật, chế độ hôn nhân, văn hoá, giáo dục, kinh tế...

- Sự khác nhau đó là do con người có lao động và tư duy.

**II.Đặc điểm về thành phần nhóm tuổi của mỗi quần thể người**

- Quần thể người gồm 3 nhóm tuổi:

+ Nhóm tuổi trước sinh sản từ sơ sinh đến 15 tuôit.

+ Nhóm tuổi sinh sản và lao động: 15 – 65 tuổi.

+ Nhóm tuổi hết khả năng lao động nặng nhọc: từ 65 tuổi trở lên.

- Tháp dân số (tháp tuổi) thể hiện đặc trưng dân số của mỗi nước.

+ Tháp dân số trẻ là tháp dân số có đáy rộng, số lượng trẻ em sinh ra nhiều và đỉnh tháp nhọn thể hiện tỉ lệ tử vong cao, tuổi thọ thấp.

+ Tháp dân số già là tháp có đáy hẹp, đỉnh không nhọn, cạnh tháp gần như thẳng đứng biểu thị tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử vong đều thấp, tuổi thọ trung bình cao.

**III.Tăng dân số và phát triển xã hội**

- Khi dân số tăng quá nhanh dẫn tới thiếu nơi ở, nguồn nước uống, ô nhiễm môi trường, tăng chặt phá từng và các tài nguyên khác.

- Hiện nay Việt Nam đang thực hiện pháp lệnh dân số nhằm mục đích đảm bảo chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội. Mỗi con sinh ra phải phù hợp với khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc của mỗi gia đình và hài hoà với sự phát triển kinh tế, xã hội, tài nguyên môi trường đất nước.

* **Học sinh soạn và trả lời câu hỏi:**

1. Tháp dân số trẻ và tháp dân số già khác nhau như thế nào ?

2. Ý nghĩa của việc phát triển dân số hợp lí của mổi quốc gia là gì ?

**Bài 49: Quần xã sinh vật**

**I.Thế nào là một quần xã sinh vật?**

- Quần xã sinh vật là tập hợp những quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian xác định và chúng có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau.

**II.Những dấu hiệu điển hình của một quần xã**

- Quần xã có các đặc điểm cơ bản về số lượng và thành phần các loài sinh vật.

+ Số lượng các loài trong quần xã được đánh giá qua những chỉ số: độ đa dạng, độ nhiều, độ thường gặp.

+ Thành phần loài trong quần xã thể hiện qua việc xác định loài ưu thế và loài đặc trưng.

**III. Quan hệ giữa ngoại cảnh và quần xã**

- Các nhân tố vô sinh và hữu sinh luôn ảnh hưởng đến quần xã tạo nên sự thay đổi theo chu kì: chu kì ngày đêm, chu kì mùa.

- Khi ngoại cảnh thay đổi dẫn đến số lượng cá thể trong quần xã thay đổi và số lượng cá thể luôn được khống chế ở mức độ phù hợp với môi trường.

- Khống chế sinh học làm cho số lượng cá thể của mỗi quần thể dao động quanh vị trí cân bằng, phù hợp với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường tạo nên sự cân bằng sinh học trong quần xã.

* **Học sinh soạn và trả lời câu hỏi:**

1. Thế nào là quần xã sinh vật ? Quần xã sinh vật khác với quần thể sinh vật như thế nào ?

2. Hãy nêu đặc điểm về số lượng và thành phần loài của quần xã sinh vật.

3. Thế nào gọi là cân bằng sinh học ? Hãy lấy ví dụ minh họa về cân bằng sinh học.

**Bài 50: Hệ Sinh Thái**

**I.Thế nào là một hệ sinh thái?**

- Hệ sinh thái bào gồm quần xã và khu vực sống của quần xã (gọi là sinh cảnh).

- Trong hệ sinh thái, các sinh vật luôn tác động qua lại với nhau và tác động với nhân tố vô sinh của môi trường 1 hệ thống hoàn chỉnh và tương đối ổn định.

- Một hệ sinh thái hoàn chỉnh gồm các thành phần:

+ Nhân tố vô sinh

+ Nhân tố hữu sinh:

 \*Sinh vật sản xuất là thực vật

 \*Sinh vật tiêu thụ: Gồm động vật ăn thực vật, động vật ăn thịt.

 \*Sinh vật phân huỷ: Vi khuẩn, nấm.

**1.Chuỗi thức ăn:**

 - Chuỗi thức ăn là 1 dãy gồm nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau. Mỗi loài sinh vật trong chuỗi thức ăn vừa là sinh vật tiêu thụ mắt xích phía trước, vừa bị mắt xích phía sau tiêu thụ.

- Có 2 loại chuỗi thức ăn: chuỗi thức ăn mở đầu là cây xanh, chuỗi thức ăn mở đầu là sinh vật phân huỷ.

**2. Lưới thức ăn:**

- Các chuỗi thức ăn có nhiều mắt xích chung tạo thành 1 lưới thức ăn.

- Lưới thức ăn hoàn chỉnh gồm 3 thành phần: Sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân huỷ.

**III.Vai trò của con người trong việc bảo vệ và cải tạo môi trường tự nhiên**

- Con người đã và đang nỗ lực để bảo vệ và cải tạo môi trường tự nhiên bằng các biện pháp:

+ Hạn chế phát triển dân số quá nhanh.

+ Sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên.

+ Bảo vệ các loài sinh vật.

+ Phục hồi và trồng rừng.

+ Kiểm soát và giảm thiểu các nguồn chất thải gây ô nhiễm.

+ Lai tạo giống có năng xuất và phẩm chất tốt.

* **Học sinh soạn và trả lời câu hỏi:**

Trả lời và làm bài tập câu 1 và câu 2 trong sách giáo khoa trang 153

**Bài 53: Tác động của con người đối với môi trường**

**II.Các tác nhân chủ yếu gây ô nhiễm**

1. Ô nhiễm do các chất khí thải ra từ hoạt động công nghiệp và sinh hoạt:

- Các khí thải độc hại cho cơ thể sinh vật: CO; CO2; SO2; NO2... bụi do quá trình đốt cháy nhiên liệu từ các hoạt động: giao thông vận tải, sản xuất công nghiệp, đun nấu sinh hoạt...

2. Ô nhiễm do hoá chất bảo vệ thực vật và chất độc hoá học:

- Các hoá chất bảo vệ thực vật và chất độc hoá học thường tích tụ trong đất, ao hồ nước ngọt, đại dương và phát tán trong không khí, bám và ngấm vào cơ thể sinh vật.

- Con đường phát tán:

+ Hoá chất (dạng hơi) ⭢ nước mưa ⭢ đất (tích tụ) ⭢ Ô nhiễm mạch nước ngầm.

+ Hoá chất ⭢ nước mưa ⭢ ao hồ, sông, biển (tích tụ) ⭢ bốc hơi vào không khí.

+ Hoá chất còn bám và ngấm vào cơ thể sinh vật.

3. Ô nhiễm do các chất phóng xạ

- Các chất phóng xạ từ chất thải của công trường khai thác, chất phóng xạ, nhà máy điện nguyên tử, thử vũ khí hạt nhân...

- Gây đột biến ở người và sinh vật, gây một số bệnh di truyền và ung thư.

4. Ô nhiễm do các chất thải rắn:

- Chất thải rắn gây ô nhiễm môi trường: đồ nhựa, giấy vụn, cao su, rác thải, bông kim y tế...

5. Ô nhiễm do sinh vật gây bệnh:

- Sinh vật gây bệnh có nguồn gốc từ chất thải không được thu gom và xử lí: phân, rác, nước thải sinh hoạt, xác chết sinh vật, rác thải từ bệnh viện...

- Sinh vật gây bệng vào cơ thể người gây bệnh do ăn uống không giữ vệ sinh, vệ sinh môi trường kém...

**III.Hạn chế ô nhiễm môi trường**

* Các biện pháp hạn chế ô nhiễm không khí :
+ Xây dựng các công viên cây xanh
+Sử dụng năng lượng gió
+ Sử dụng năng lượng mặt trời
- Hạn chế ô nhiễm nguồn nước:
+ Xây dựng hệ thống xử lí nước thải. Cải tiến công nghệ sản xuất.
+ Lọc nước qua màng lọc.
+ Dùng chất diệt khuẩn.
Hạn chế ô nhiễm do thuốc bảo vệ thực vật:
+ Hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.
+ Sản xuất lương thực, thực phẩm an toàn.
Hạn chế ô nhiễm do chất thải rắn:
+ Xây dựng nhà máy xử lí chất thải và tái chế chất thải thành các nguyên liệu, đồ dùng.
+ Phân loại rác thải.
+ Đốt hoặc chôn lấp rác một cách khoa học. Kết hợp ủ phân động vật trước khi sử dụng để sản xuất khí sinh học.
Các biện pháp để phòng chống ô nhiễm môi trường:
+ Xử lí chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt.
+ Cải tiến công nghệ để có thể sản xuất ít gây ô nhiễm.
+ Sử dụng nhiều loại năng lượng không gây ô nhiễm: năng lượng gió, năng lượng mặt trời…
+ Xây dựng nhiều công viên, trồng cây xanh để hạn chế bụi và điều hòa khí hậu…
+ Cần tăng cường công tác tuyên truyền và giáo dục để nâng cao hiểu biết và ý thức của mọi người về phòng chống ô nhiễm môi trường
- Trách nhiệm của mỗi người cần phải có những hành động cụ thể để phòng chống ô nhiễm, góp phần bảo vệ môi trường sống cho chính mình và cho thế hệ sau.

**DẶN DÒ:**

* **Học sinh soạn và trả lời câu hỏi:**

1. Trình bày nguyên nhân dẫn đến suy thoái môi trường do hoạt động của con người ?

**ĐỀ NGHỊ TẤT CẢ HỌC SINH CHÉP BÀI VÀO VỞ VÀ LÀM BÀI TẬP NỘP VÀO NGÀY 9-10/4/2020**